TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Hà

Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 19/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 26/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại C; địa chỉ Trụ sở chính: Số 89 Láng Hạ, phượng Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H; địa chỉ: Số 152 Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền số 1823/2023/UQ-LCC-KHCNMB2 ngày 22/7/2023);

- *Bị đơn:*

Anh Hoàng Đức T;

Chị Lê Thị Thanh L;

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện A, TP Hải Phòng;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Văn T (tên gọi khác: Hoàng Đức T);

Bà Nguyễn Thị L;

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện A, TP Hải Phòng;

Bà Trần Thị Thu H có mặt; các đương sự khác vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại C (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Giữa Ngân hàng với anh Hoàng Đức T và chị Lê Thị Thanh L có quan hệ bởi các hợp đồng tín dụng sau đây: Hợp đồng tín dụng số LN2007132560778 ngày 16/72020 Ngân hàng cho vay số tiền 300.000.000 đồng để mua sắm nội thất gia đình; lãi suất vay theo thỏa T (Hợp đồng tín dụng số LN2007132560778) và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 10/7/2020 số thẻ 295-P-3311410 (Giấy đề nghị vay vốn số thẻ 295-P-3311410) Ngân hàng mở thẻ cấp hạn mức cho anh T chị L vay sử dụng số tiền 15.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho hai khoản vay trên là Quyền sử dụng đất tại thửa số 153; tờ bản đồ 02 xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số D 0213265 do Uỷ ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 30/3/1995 cho ông Hoàng Đức T (Thửa đất số 153). Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Đất Cảng ngày 16/7/2020; số công chứng 7970/HĐTC/2020, quyển số 04/TP-CC-SCC/HĐGD và được đăng kí giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện nghĩa vụ anh Hoàng Đức T và chị Lê Thị Thanh L mới trả được một phần nợ, ngày 24/4/2021 vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Giấy đề nghị vay vốn số thẻ 295-P-3311410, ngày 15/6/2022 vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Hợp đồng tín dụng số LN2007132560778, để nợ quá hạn; mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nhưng đều không thực hiện được. Ngân hàng khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả nợ Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 29/3/2024 là 347.201.051 đồng; trong đó nợ của Hợp đồng tín dụng số LN2007132560778 bao gồm nợ gốc là 226.991.299 đồng, lãi trong hạn 9.379.935 đồng, lãi quá hạn là 66.559.613 đồng, phạt chậm trả 8.264.580 đồng; nợ của Giấy đề nghị vay vốn số thẻ 295-P-3311410 bao gồm nợ gốc là 13.031.770 đồng, lãi quá hạn là 22.973.854 đồng. Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp nêu trên trong trường hợp bên vay không trả được nợ.

Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc đã dùng tài sản là Thửa đất số 153 để thế chấp cho khoản vay của anh T chị L như Ngân hàng trình bày ở trên là đúng. Ông bà cùng anh T chị L nhận trách nhiệm trả nợ để giải chấp tài sản.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; các đương sự khác

chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 85, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 117, 298, 299, 466, 500 và 502 của BLDS; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử như đại diện nguyên đơn đã trình bày ở trên. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì phát mại các tài sản thế chấp như nguyên đơn trình bày để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, xác định đây là quan hệ Tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Điều 30 của BLTTDS.

[3] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn, lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng số LN2007132560778 và Giấy đề nghị vay vốn số thẻ 295-P-3311410 của nguyên đơn: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập khẳng định được giữa Ngân hàng với anh T, chị L có quan hệ tín dụng bởi các hợp đồng tín dụng như trên là đúng. Ngày 24/4/2021 và ngày 15/6/2022 bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản nợ bị quá hạn. Việc Ngân hàng yêu cầu bên vay phải thanh toán tổng số tiền còn thiếu của hai hợp đồng tính đến ngày 29/3/2024 là 347.201.051 đồng; trong đó nợ của Hợp đồng tín dụng số LN2007132560778 bao gồm nợ gốc là 226.991.299 đồng, lãi trong hạn 9.379.935 đồng, lãi quá hạn là 66.559.613 đồng, phạt chậm trả 8.264.580 đồng; nợ của Giấy đề nghị vay vốn số thẻ 295-P-3311410 bao gồm nợ gốc là 13.031.770 đồng, lãi quá hạn là 22.973.854 đồng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các điều 117, 463 và 466 của BLDS.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng: Việc các bên thừa nhận bên vay có dùng tài sản là Thửa đất số 153 để thế chấp là tình tiết sự kiện không phải chứng minh; căn cứ Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật.

Hợp đồng về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đảm bảo về hình thức, trình tự, thủ tục, nội dung theo quy định tại các điều 117, 119, 500, 501 và 502 của BLDS; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng về phát mại các tài sản thế chấp ở trên trong trường hợp bên vay không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận theo các điều 298, 299, 500 và 502 của BLDS; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 17.360.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 97, 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 119, 298, 299 của Bộ luật Dân sự; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Hoàng Đức T và chị Lê Thị Thanh L phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại C tổng số tiền phát sinh từ hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/3/2024 là 347.201.051 đồng; trong đó nợ của Hợp đồng tín dụng số LN2007132560778 ngày 16/7/2020 gồm nợ gốc là 226.991.299 đồng, lãi trong hạn 9.379.935 đồng, lãi quá hạn là 66.559.613 đồng, phạt chậm trả 8.264.580 đồng; nợ của Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 10/7/2020 số thẻ 295-P-3311410 gồm nợ gốc là 13.031.770 đồng, lãi quá hạn là 22.973.854 đồng.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 30/3/2024 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa T nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa T về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp anh Hoàng Đức T và chị Lê Thị Thanh L không trả được nợ Hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng Thương mại C có quyền yêu cầu phát mại tài sản là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất tại thửa đất số 153, tờ bản đồ 02 xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số D 0213265 do Uỷ ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 30/3/1995 cho ông Hoàng Đức T. Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì anh Hoàng Đức T và chị Lê Thị Thanh L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại C. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Đức T và chị Lê Thị Thanh L phải nộp 17.360.000 đồng. Trả lại Ngân hàng Thương mại C số tiền tạm ứng án phí 7.568.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, biên lai số 5279 ngày 23/11/2023.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS h. An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng